

Từ Một Chín Năm Bảy

Trang Y Hạ

Đoàn xe đồ trên ba mươi chiếc, mang tên "Lộc Thành", thân xe dài. Mỗi xe chở trung bình khoảng trên sáu mươi người, đồ dùng mang theo được chất hết lên trên trần xe trừ hành lý xách tay được để trong xe. Gia đình nào ngồi riêng gia đình đó để khỏi bị lạc, và tiện việc phát thực phẩm, nước uống... Tôi không biết gia đình tôi đi đâu, đến đâu? Vì tôi mới có bảy tuổi đầu, còn quá nhỏ để tìm hiểu chuyện của người lớn... Nhưng tôi cũng được nghe người ta nói: "Đi di dân lên Dinh Điền ở đâu đó, không biết ngày nào mới trở về thăm quê?!" Đó là thời: Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy!

Bây giờ đã là tám giờ tối, thông thường giờ này gia đình tôi đã đi ngủ. Ngồi nhìn đèn điện trong xe sáng trưng, những thằng con nít như tôi rất thích thú! Có bao giờ được thấy thử ánh sáng chói mắt như vậy mô, chỉ thấy toàn là đèn dầu le lói. Bên ngoài người ta đi lại lẫn xấn quá đông... Có người khóc, có người chạy theo nắm tay của người thân ở trong xe, người trong xe cũng khóc khi xe bắt đầu lăn bánh từ từ... Gia đình tôi không có bà con đến tiễn đưa! Tôi nhìn cha tôi và ông dưỡng đang nói gì đó với người lái xe, rồi cha tôi đẩy cái cối xay bột bằng đá vô gầm xe thay vì phải đưa lên trên trần, có lẽ vì quá nặng.

Xe chạy suốt đêm đến Quảng Ngãi, xe dừng lại để đi vệ sinh, nghỉ ngơi và phân phát thức ăn, nước uống... Nghe nói chỗ này là: Thị trấn Châu Ổ. Tôi thấy cây cầu sắt thật dài, hai bên thành cầu hình vòng cung màu đen thui, dưới bờ sông những lùm cây mọc cao quá đầu chạy ra gần gần nước. Người ta phân phát cho mỗi người một ổ bánh mì thịt dài khoảng gần rưỡi tay. Lần đầu tiên gia đình tôi cũng như mọi người rời bỏ quê hương ở Quê Sơn Quảng Nam đói nghèo quanh năm, cơm độn ăn còn không đủ no, thì làm gì mà biết cái thứ bánh mì hình thù như thế nào để biết cách mà ăn. Khi cầm bánh mì trên tay thì cảm nhận mùi vị tỏa ra khó chịu! Sắn khoai thấm vào trong máu từ đời này sang đời khác, thành thử nghe mùi bánh mì lạ hoắc, lạ để... tỏa ra "thơm lừng" nhưng không thể một giây, một phút mà thường thức được dù bụng đói. Mọi người thò tay móc chút thịt rau ra ăn thử... Ăn cũng không mạnh miệng... Bánh mì quăng ngổn ngang cả một quãng đường dài! Người ta có cho bia chai nhưng không một người đàn ông nào biết uống. Khui ra đưa lên mũi ngửi ngửi... ném thử - rồi nói: Răng mà giống cái mùi nước... "đái trâu" ở quê mình rửa hí? Cuối cùng đem đổ bỏ hoặc để lại bên đường cho thị trấn Châu Ổ, Quảng Nghĩa mà ra đi!

Khi sắp đến giờ - xe tiếp tục khởi hành thì không biết ông dưỡng của tôi bỏ đi đâu mất biệt...? Cha tôi chạy tìm khắp mọi nơi vẫn không thấy! May có người nói cho biết - "Tôi thấy một người đàn ông chạy ngược trở về phía sau đoàn xe...". Cha tôi chạy tìm...



Sau này được biết dưỡng tôi đi ngược trở về nhà! Đoàn xe tiếp tục chạy ra hướng thành phố Qui Nhơn ngược vào Quốc Lộ 19 - lên Cao Nguyên. Mặt đường lổm chổm đá xanh gồ ghề, loang lổ... Xe chạy chao qua, chao lại, giằng xóc, hai bên đường cây cối rậm rạp, nhất là những tàng tre le hai bên đường phủ rợp, giao cành với nhau. Đoàn xe chui đầu âm thầm chạy, những ngọn tre như ngọn roi quất vào hai bên hông xe kêu rào rào... Qua cửa kính xe, tôi và mọi người nhìn ra bên ngoài núi non trùng trùng điệp điệp, mây mù giăng mắc, khói rừng, sương mù kéo nhau từng bầy trông buồn thảm rợn người! Nhìn cảnh trời mây cuộn cuộn khi qua đèo An Khê - Mang Giang. Có người - phần nhớ nhà, phần nhớ quê đã òa khóc nức nở...!

Đến Thị Trấn Pleiku xe chạy chậm chậm, và dừng lại để để mọi người vệ sinh, nghỉ ngơi. Lần đầu tiên nhìn thấy một vài người Thượng ở trần mặc khố. Họ thản nhiên đứng câu cá bên một cái hồ rộng, nước đục ngầu. Họ không nhìn đoàn xe, nhưng chúng tôi nhìn họ một cách lạ lẫm. Đám con nít chúng tôi thì sợ đến phát khiếp! (Sau này đi lính tôi mới biết cái ao nước đục đó là Trà Bá, trên đầu dốc bên phải có rạp hát Diệp Kính). Xe lên đến thị xã KonTum và tiếp tục chạy thêm ba mươi mấy cây số đường rừng đất đỏ về hướng Dakto. Xe dừng lại bên một bãi đất trống với hàng chục căn lều bự được làm sẵn bên dòng sông nước trong xanh - đã có một "ban tiếp nhận người di dân - "khu Dinh Điền"! Vùng Dakpsi - cũng là dòng sông Dakpsi, Dakto, KonTum.

Sở dĩ người dân hưởng ứng và tình nguyện chấp nhận bỏ quê cũ - nơi chôn nhau cắt rún lâu đời để ghi danh đi di dân - là bởi nhiều nguyên nhân. Không phải họ không có đất để canh tác - nhưng đất canh tác quá ít lại khô cằn sỏi đá. Cây sắn mọc ngang rốn đã thành ông cụ, dù có bón phân, hơn nữa một phần đất canh tác là

đất "Hương Hòa" từ cha ông để lại, giòng họ cho luân phiên nhau canh tác và đóng thuế cho "Tộc Họ" để lo mồ mả, hương khói, giỗ quảy hàng năm... Đa phần trong số họ làm không đủ ăn, đời sống cơ cực từ đời này qua đời khác do đất không nở ra mà con người càng ngày càng sinh đẻ thêm. Một số không có đất ruộng phải thuê ruộng đất để canh tác, hoặc đi làm thuê, ở đợ chần trâu, chần bò cho địa chủ phú nông; lắm khi người giàu có, cũng là người bà con trong giòng tộc. Nhưng họ quay ra bóc lột ngay những người bà con trong giòng tộc của mình một cách thậm tệ! Từ đó xảy ra tranh chấp hương hòa, đất đai ruộng vườn dai dẳng - dẫn đến xung đột công khai hoặc ngầm ngầm. Nhưng tất cả đều bị dập tắt vì ở vị thế yếu! Chưa nói đến những "phí và lệ" cũng như thuế má mà người dân phải đóng góp... Họ muốn có đất ruộng, muốn có một mảnh vườn, một ngôi nhà dù là nhà tranh vách đất - nhưng phải thực sự do họ làm chủ, từ mồ hôi nước mắt họ tạo dựng nên. Ngoài ra, có một số người bị phạm tội, tuy trắng án - sẵn cơ hội này cũng muốn ra đi tìm vùng đất mới để làm lại cuộc đời mà không bị người trong làng khinh khi dè bủ cái dĩ vãng sai lầm thuở trước!

Giòng họ tôi, theo gia phả thì điểm xuất phát từ vùng Nghệ - An. Nói đúng ra mấy đời tổ của giòng họ tôi là "lính thú" theo các chúa Nguyễn vào vùng đất Quảng Nam và ở lại lấy con gái nước Chăm sinh cơ lập nghiệp cho đến ngày nay đã mấy trăm năm...(?) Ngôi nhà thờ tự còn truyền lại gia phả, phú ý từ nhiều đời đã nói lên quá khứ tiền về phương Nam của những bậc tiền nhân đi mở cõi. Eo đất Trung Phần trong đó có Quảng Nam quê tôi - đất ruộng ít, khô cằn, quanh năm hứng chịu hàng chục cơn bão từ biển thổi vào. Đói rách là nỗi ám ảnh nghìn đời của những con người sống trên mảnh đất miền Trung! Chương trình di dân vào khu Dinh Điền là một lối thoát duy nhất chẳng những cho gia đình chúng tôi; mà cho hết thảy mọi người nghèo - một lối thoát danh dự! Sau mười mấy năm bỏ quê âm thầm ra đi lập nghiệp, lúc nào cha tôi cũng canh cánh niềm ao ước được trở về thăm quê cũ một lần rồi có chết cũng thỏa lòng. Mong mỗi duy nhất của cha tôi là xây lại phần mộ cho ông bà nội của tôi. Tôi và hai người em gái lớn phụ giúp cho cha tôi đạt được mong ước của ông. Sau chuyển về quê lần đó - năm sau ông chết bởi chiến tranh!



Sau cùng là người ta tin tưởng vào chương trình di dân của chính phủ Ngô Đình Diệm. Một chương trình lập ra những khu Dinh Điền thiết thực đem lại no cơm ấm áo cho từng lớp người nghèo không có đất canh tác triển miên từ đời này sang đời nọ trong suốt thời gian thực dân Pháp đô hộ và chế độ Phong Kiến. Bởi, đa phần ruộng đất nằm trong tay địa chủ, phú hộ. Người di dân tuyệt đối tin tưởng vào chính phủ; họ không mấy may có ý nghĩ nghi ngờ rằng chính phủ sẽ đưa họ vào những khu Dinh Điền - rồi bỏ mặt họ ra sao thì ra. Dù họ chưa thấy tương lai, nhưng người dân luôn tin vào những gì chính phủ hứa hẹn với họ. Và họ đã không làm! Ở tỉnh Kontum có bốn "Khu Dinh Điền": Trung Nghĩa - Tri Đạo - Diên Bình - Tri Lễ. Với số dân khoảng

mười hai nghìn người từ các tỉnh: Bình Định - Quảng Ngãi - Quảng Nam.

Về mặt đời sống - chương trình di dân vào các Dinh Điền là chính phủ đã tiên liệu chuẩn bị đầy đủ về mọi phương tiện vật chất, tinh thần để người dân an tâm bắt đầu tạo lập cuộc đời mới. Không lo sợ: Đói khổ, bệnh hoạn, hay bị bỏ rơi... Mỗi khu Dinh Điền có một ban đại diện của chính phủ. Chức vụ ban đại diện cao nhất là: Địa Điểm Trưởng, thư ký, thủ kho, tài xế... Một "Cuộc Cảnh Sát" ba người lo trật tự. Vị Địa Điểm Trưởng chịu trách nhiệm lo cho đời sống người dân như: Đề bạt ý kiến người dân, phân chia lô gia cư, phân phối đất để trồng trọt tính theo đầu người trong mỗi gia đình. Phân phối thực phẩm: Gạo, đường, sữa, mắm, muối..., soong, chảo, nồi, niêu, thùng thiết, chén đĩa... Áo quần, vải bạt, chiếu gối, mền mùng, giày, dép, nón, khăn, bàn chải... và tiền mặt, trong tám tháng đầu. Sau tám tháng khi đã có hoa màu, lúa... thì ngưng. Tuy nhiên những gia đình nào thiếu ăn vẫn được cấp phát thêm cho đến khi tự túc tự cường. Dụng cụ canh tác thì phân phát đầy đủ để có phương tiện canh tác, sản xuất gồm: Cuốc, cào, xẻng, dao, rựa, búa, riu, xuồng, liềm, dụng cụ mộc để cất nhà. Hạt giống: Lúa, bắp, các loại đậu. các loại hạt giống rau. Người dân thiếu cái gì thì cứ việc đề nghị với ông Địa Điểm Trưởng là được cung cấp.

Giai đoạn đầu. Về mặt hành chánh mỗi khu Dinh Điền là một xã, tùy theo số dân để phân chia ra từng thôn, Thông thường chia ra làm ba thôn. Chính quyền xã - đứng đầu là xã trưởng. Hội đồng nhân dân xã, thôn trưởng. Bầu cử bằng lá phiếu phổ thông. Khi đã hình thành cơ cấu thôn xã thì vai trò Địa Điểm Trưởng không còn nữa. Cuộc cảnh sát cũng biến mất, nhường quyền lại cho chính quyền xã. Có một số gia đình khi vào đến Dinh Điền lãnh trợ cấp xong ở chừng mấy tháng buồn nhớ quê ở tự động bỏ về lại quê cũ. Chính phủ cũng không bắt bồi thường hay truy tố, nhưng đó chỉ là số ít.

Ngoài trụ sở xã thôn ra, trong Dinh điền người ta xây một trường Tiểu Học, khu nhà ở cho các Giáo Sư, Trạm Xá - nhà Bảo Sanh, Thư Viện, nhà Thờ, Đình, Chùa, Chợ. Một sân túc cầu và một số sân bóng chuyền. Sau khi đã hình thành đơn vị hành chánh thì có tên xã! Không còn kêu là Dinh Điền nữa vì đã có tên tuổi! Mỗi xã có một trung đội Dân Vệ (Nghĩa Quân), lập đồn để giữ an ninh, trật tự trong xã.

Để tăng lợi tức cho người dân. Chính phủ khuyến khích người dân trồng cây đay, các loại cây ngắn ngày. Cây đay cho sợi màu trắng dùng làm bao bố đựng gạo loại "một trăm ký".



Trồng cây đay rất dễ, không cần dùng phân bón hay thuốc trừ sâu vì đất đỏ quá tốt. Hạt giống do chính phủ cung cấp. Đặc tính của cây đay lớn nhanh, cây cao thẳng tắp, cành rất ngắn, lá chân chim, cao chừng ba đến bốn mét, thời gian thu hoạch ba tháng. Khoảng tháng mười, đầu mùa nắng, người ta chặt cây đay dùng xe cộ kéo xuống sông. Chọn đoạn sông cạn, nước chảy bình bình. Dùng cọc cây đóng xuống hàng hàng; phân ra từng lô, xếp dày dày cây đay xuống nước, lấy gỗ ghim bên trên cho đay khô trôi lên. Thời gian ngâm cho rụng vỏ lụa bên ngoài thân cây đay khoảng hai tháng. Đặc biệt trong thời gian dọn đất có một số chuyên gia người Nhật đem máy cày đến. Họ cày thử trên đất đỏ. Người ta xúm coi rất đông. Tôi nghe cha tôi nói: Người Nhật đưa máy cày đến thử nghiệm, nếu được họ sẽ sản xuất theo địa hình thổ nhưỡng Việt Nam và họ mang máy của họ sang bán.

Về mùa giũ đay rất là vui! Trời cao nguyên mùa nào cũng lạnh, nhất là sương mù thì không bao giờ thiếu, Chín mười giờ sáng sương mù vẫn chưa tan hết, nhưng vì công việc sinh nhai nên cứ phải đi làm. Có điều rất hay là - dù lộn xộn ời ời dưới sông, nước văng tung tóe suốt ngày, nhưng không ai tranh giành hay lấy của ai, mọi người rất thương yêu đùm bọc nhau, những người phụ nữ không có đàn ông bên cạnh cũng được sự giúp đỡ của những người đàn ông khác vớt cây đay để lên giàn cho họ ngồi giũ. Chừng ba giờ chiều là ngưng làm vì không có ánh nắng bởi sương mù và trời bắt đầu lạnh hơn. Số lượng đay của ai thì người đó mang về nhà phơi khô... Đợi khi làm xong chính phủ sẽ mua.

Cha tôi ghi danh trồng cao su ở giai đoạn đầu - một mẫu rưỡi, và giai đoạn sau là ba mẫu. Chính phủ cho vay tiền để làm, khi cao su cho quả chính phủ trừ nợ dần dần... Tôi thấy cha tôi rất vất vả, tôi thương lắm nhưng chẳng giúp được gì! Ngoài giờ học chữ ra, tôi chạy đến vườn ươm cây cao su xin học lớp - ghép cây cao su. Thời gian học mười lăm ngày. Sau khi học xong được cấp giấy chứng nhận. Thời gian còn đi học thì đi ghép cây một buổi, chỉ khi nào nghỉ hè thì đi ghép cây trọn ngày. Được trả công bằng tiền hoặc bằng gạo. Tôi rất mừng vì giúp cho cha mẹ tôi được cái gì hay cái đó! Khi không còn ghép cây cao su, đến tháng nghỉ hè tôi chạy đến vườn ươm ghi danh đi trồng rừng để lấy gạo.

Thật tình mà nói, cha mẹ tôi bỏ quê hương ra đi lập nghiệp coi như làm lại từ đầu. Bỏ quê ra đi không có tiền của mang theo. Có một sào đất và ngôi nhà gỗ lợp tranh ọp ẹp thì để lại nơi quê nhà cho anh em ở. Trong khi tuổi đời của hai người đã lớn. Hơn nữa con cái lại đông! Cũng may thời ấy đi học ở cấp Tiểu Học được miễn phí hoàn toàn, còn được cấp sách vở, bút viết các loại... Học sinh học lấy được cái bằng tiểu học kể cũng giỏi rồi - với trình độ tiểu học nếu ai khó khiếu thì: viết văn, làm thơ... là chuyện bình thường. Học sinh nào muốn học lên trung học thì xin học bổng. Đau ốm bệnh hoạn cũng được chữa miễn phí! (nhà thương thí) Nếu không được như vậy chắc anh em chúng tôi chịu dốt và bệnh chết là cái chắc. Nếu ai không có điều kiện ngồi ghế nhà trường học hết bậc Trung Học, cũng có thể ghi danh học Hàm -Thụ, khi học hết chương trình Hàm- Thụ và đi thi nếu đậu vẫn được Bộ Giáo Dục công nhận và cấp bằng như thường.

Gia đình tôi không bao giờ quên sự trợ giúp chí tình như ruột thịt - của ông bà Thủ. Nhà ông bà ở làng Konhring, cách nhà tôi chừng bốn cây số. Ông bà quê vốn ở Bình Định, theo cha mẹ lên KonTum - truyền đạo và lập nghiệp. Ông bà cũng có nhà ở thị xã KonTum. Ông bà nói tiếng Thượng, tiếng Bahnar, tiếng Se Đăng, rất giỏi. Các con ông có người đi tu trở thành "masoer", sĩ quan trong quân đội quốc gia... Ông từng làm "Chánh Tổng" làng Konhring, hơn hai mươi năm. Người Thượng, người kinh đều gọi ông là: ông "Chánh Tổng". Ông mở một nhà máy xay lúa giúp người dân đỡ phải giã gạo bằng cối - dẫn đến xay lúa mỗi ngày đông vui! Sau này tuổi lớn ông không làm Chánh Tổng nữa. Anh em chúng tôi gọi ông bà là: "ông bà ngoại thiêng liêng" đúng như lời Chúa đã dạy! Sau này mấy mẫu ruộng và đất "ông ngoại" cũng giao hẳn cho cha tôi

chăm sóc. Được mấy năm cha tôi cũng phân chia cho những người con đỡ đầu của ông canh tác, vì ông không còn sức khỏe.



Năm 1960, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đi kinh lý lên Dakto, KonTum. Tổng thống Diệm có ghé xã Diên Bình, một khu Dinh Điền nay đã hình thành và phát triển. Học sinh chúng tôi ăn mặc đồng phục chỉnh tề tập trung về trụ sở xã - cầm cờ vàng ba sọc đỏ nô nức chờ đón Tổng thống...! Lần đầu tiên tôi thấy ông Tổng Thống Diệm. Ông mặc bộ đồ veston, đội mũ và cầm cây gậy. Ông nói gì với người dân thì tôi chẳng nhớ, chúng tôi chỉ biết vỗ tay và không khí rất là thân mật. Hôm sau đến trường nghe thầy cô nói: "Tổng Thống chúng ta thường mặc Quốc Phục Việt Nam để tiếp đón các vị nguyên thủ của các quốc gia trên thế giới và những ngày quốc lễ... Đó là sự hãnh diện cho đất nước và nền

văn hóa dân tộc!" Sau này vào năm 1972 tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng có lên tỉnh KonTum để gắn lon cho một vị tướng tại chiến trường trong "mùa hè đỏ lửa". Như vậy đủ thấy Địa Danh KonTum rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ lãnh thổ.

Thời gian trong những năm Đệ Nhất Cộng Hòa - nơi đây, núi rừng Cao Nguyên Trung Phần nói chung - KonTum nói riêng là thanh bình, bóng ma chiến tranh chưa lắng vãng nhiều về nơi này, chỉ lẻ tẻ một vài trận đánh... Cửa ngõ mọi nhà trong thôn đơn sơ, nhưng chẳng ai lấy của ai, chưa bao giờ nghe thấy ăn trộm ăn cắp chứ đừng nói chi đến chuyện tày trời là - cướp giật, đâm chém. Hình ảnh chiến tranh duy nhất là - người lính Nghĩa Quân mang cây súng: "Garant, carbine" hằng đêm đứng gác cây cầu, còn ban ngày họ về nhà đi làm ruộng rẫy cùng gia đình như mọi người dân.

Những năm đầu mới đến chưa kịp khai phá nên rừng còn sát sườn. Ban đêm, tiếng cộp gầm nghe lạnh xương sống, đôi khi cộp về bắt trộm heo bò. Buổi sáng tôi thấy cha tôi và mấy người hàng xóm lần mò theo dấu chân cộp để tìm cách đặt bẫy. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy dấu chân con cộp to như cái miệng chén. Nhà nào cũng chuẩn bị một cái thùng thiếc hoặc mõ tre để sẵn trong nhà, khi có cộp gầm là đánh thùng, đánh mõ rùm lên cộp sợ chạy tuốt. Buổi sáng sương mù dày đặc, chín hoặc mười giờ mới thấy ánh mặt trời. Chiều chừng ba giờ mặt trời đã co ro trong sương chiều âm u rờn rợn. Đôi khi ông trời âm u cả ngày, có khi đôi ba ngày. Một bữa cha và chú tôi đi săn được một con mèo rừng, cũng lớn lớn. Cha tôi đem mần thịt bỏ vô nồi nấu cháo, khi thịt chín thì vớt ra xé phay trộn muối tiêu rau răm. Chú tôi nói:

- Tối nay khoảng sáu giờ ra thôn họp - họp xong về anh em mình ăn khuya, uống vài xị lai rai.

Nghe nói ra thôn họp, tôi đòi đi theo và được cho đi. Mỗi người đi họp đều cầm trên tay một cây đuốc để thấy đường khi trở về nhà. Họp lâu quá nên tôi buồn ngủ, tôi đi tìm và chui vô trong cái thùng chứa bắp giống của thôn nằm ngủ. Khi họp xong cha chú ra về - bỏ quên tôi! Khi về đến nhà hai ông mới biết, hai người quay lại tìm nhưng không thấy tôi ở đâu. Hoảng hồn hai ông báo động mọi người túa ra tìm nhưng cũng không thấy! Mọi người cứ đinh ninh rằng tôi bị cộp vồ... Đến khoảng nửa đêm tôi giật mình thức dậy nhìn chung quanh tối thui, tôi òa khóc và gọi: cha chú... Cha của thằng Doãn bạn học của tôi nhà ở gần Thôn nghe tiếng tôi khóc vội chạy ra dẫn tôi về nhà. Trước sân nhà cũng như trong nhà đèn đóm sáng trưng, bà con hàng xóm có đủ ... Thấy tôi trở về mọi người tan hàng... Mẹ và mấy đứa em gái tôi cũng thôi khóc. Đêm đã khuya, mẹ tôi lật đật đi hâm nồi cháo mèo rừng cho mọi người cùng ăn. Lần đầu tiên tôi ăn thịt mèo rừng, thịt trắng như thịt gà, ngon thơm... Cha và chú tôi vừa ăn vừa uống rượu, không một ai nhắc gì đến chuyện của tôi ngủ quên ở trong nhà kho của Thôn. Chỉ có mẹ tôi nói:

- "Ăn thịt mèo không nghèo cũng hạn...!"

Hạn đâu không thấy chỉ thấy bà ăn còn dữ tợn hơn ai hết!

Dòng sông Dakpsi - sông Pơko, chảy qua thời thơ ấu của chúng tôi và để lại rất nhiều kỷ niệm không bao giờ xóa nhòa trong tâm tưởng. Mùa mưa - mưa rừng thì khô chê, mưa lê thê mưa dai dẳng - mười ngày, nửa tháng là chuyện bình thường. Người ta nói, mưa thúí đất quả là rất đúng ở nơi đây. Mưa lâu cả nửa năm cho nên rong rêu cỏ mọc kín đường che bít hết cả lối đi từ nhà ở đến cơ quan, trường học... Nhưng mưa cũng có cái lợi của mưa chứ lý? Mưa đầu mùa trút xuống chừng một tháng - khoảng tháng năm. Nắm mỗi mọng đủ mọi cỡ, mọi ngõ gác... Đôi khi mọc cả tháng, mọi người đi hái đem về làm đủ món... thích nhất là món cháo nắm mỗi do mẹ tôi nấu - thật là ngon ngọt! Tiếp đến là nắm xào tỏi, nắm nấu canh với rau dền, rau lang... Mùa mưa cũng là mùa của măng tre le. Rừng tre le mệnh mông chỉ cần xách bao đi vào rừng tre một chặp là đầy bao. Người nào không đi lấy được hoặc sợ con vất cần thì ra chợ mua. Người Thượng, người Kinh đi lấy

măng về luộc chín hoặc để sống đem ra chợ bán - giá rất rẻ! Măng cũng như nấm, đến mùa thì đầy rẫy, làm đủ các món như: Măng nấu canh, gỏi măng trộn rau thơm với đậu phộng hoặc mè, măng kho cá hấp... Măng tươi ăn không hết thì chế ra đem phơi nắng làm măng khô. Trời mưa dầm thì đốt lửa lên sấy. Măng tre le khô bán giá rất cao. Măng khô hầm thịt gà cũng rất ngon.

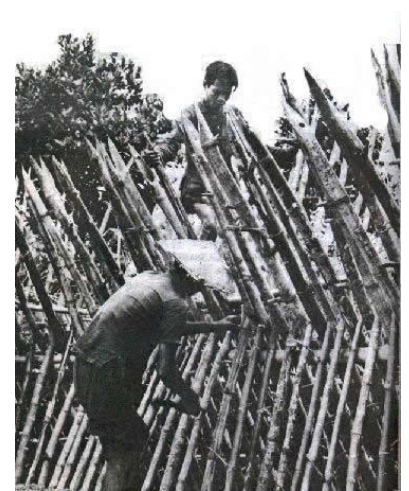


Kỷ niệm mà tôi nhớ nhiều - đó là bài ca về xổ số kiến thiết trên radio vào những buổi chiều thứ bảy xổ số do ca sĩ Trần Văn Trạch hát:

...Xổ số kiến thiết quốc gia giúp đồng bào ta nên cửa nên nhà giàu sang mấy hời, giàu sang mấy hời. Mua số mau lên! Mua số mau lên!...

Thời đó có câu: "Mất thứ hai, tai thứ bảy"! Nghĩa là: Ngày thứ bảy lỡ tai lo nghe chuyện xổ số, trúng trật...! Thứ hai đến sở làm mắt tèm nhèm, ngáp lên, ngáp xuống. Tôi nghĩ có thể là vậy, không biết có đúng không?

Xã thôn lúc bấy giờ cũng làm hàng rào "ấp chiến lược". Rào đề phòng, chứ thật ra chưa có bóng dáng chiến tranh... Tôi thấy người dân vô rừng chặt cây, chặt tre rất nhiều, xe chính phủ chở về. Sau đó đào mương hình miệng chậu chung quanh thôn, xã. Chừng ba tháng đã hình thành hàng rào chung quanh thôn rất kiên cố, dưới lòng mương và hai bên đều có cắm chông tre đủ cỡ. Cách một khoảng xa xa có chừa cổng để đi ra đồng, ra rẫy... Mỗi gia đình còn được nhận một cái "radio" áp chiến lược màu vàng của chính phủ cho. Máy có hai băng tần.



Một hôm cha và chú tôi ngồi uống rượu. Cha tôi hỏi chú tôi rằng:

- Em có trình độ hơn anh. Vậy em có nhận xét gì về chương trình áp chiến lược không?

Chú tôi nói:

- Chương trình áp chiến lược là chương trình có tính cách lâu dài, gồm hai mục đích: Thời chiến và thời bình.

Thời chiến: Gom dân vào một nơi nhất định. Ban đầu một số người không bằng lòng - xuyên tạc, nói xấu... nhưng lần hồi họ sẽ thấy tác dụng! Chúng ta không kéo quân đi đến nhà ai để giết cướp. Nhưng người khác đến nhà chúng ta quấy phá, đồng thời móc nối người của chúng ta làm nội ứng và tiếp tế lương thực cho "du kích" mỗi ngày. Thậm chí còn giấu "du kích" ở trong nhà, dưới hầm! Để tách chúng ra, bắt buộc phải rào lại.

Thời bình: Anh có thấy máy ủi của Mỹ không? Rừng già như vậy mà một ngày - một cái máy ủi - ủi hàng chục mẫu tây rừng ra đất bằng phẳng, sạch trơn! Nếu chúng ta cầm cây rựa mà chặt... chặt..., thì biết đến bao giờ ra đất để canh tác? Anh đã có thấy cái máy cày của người Nhật cày đất cho ta trồng cây đay chắc anh cũng hiểu. Một ngày cái máy cày - cày trên chục mẫu tây đất. Nếu chúng ta cầm cuốc - thì cuốc... cuốc... đến bao giờ mới xong? Người dân Việt chúng ta - tám mươi phần trăm là làm nông nghiệp, nhưng từ mấy nghìn năm nay cứ mãi lẫn lộn trong cái lũy tre làng, cái suy nghĩ "tiểu nông" luôn hạn hẹp không cách chi bức phá ra bên ngoài - dù có muốn bức phá cũng phải cần một thời gian dài, kể cả những người cho là có học vấn nhưng vẫn còn bảo thủ không chịu tiếp nhận một nền khoa học kỹ thuật... Ở thế kỷ trước ở bên nước Anh. Khi phát minh ra đầu máy xe lửa và cái máy may, người công nhân thời đó sợ cái "máy" giành mất việc làm của họ - họ đã biểu tình, đập bỏ...Thì anh cũng đủ hiểu chuyện đời mỗi khi thay đổi việc gì nó không đơn giản chút nào. Làng mạc nhà cửa nông dân nằm rải rác từng cụm nhỏ, cư ngụ kiểu da beo ... Nếu áp dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp bằng máy móc cơ giới thì rất trở ngại trên mọi phương diện. Áp chiến lược - thời bình sẽ trở thành "khu đô thị!". Đã là khu đô thị thì tất cả mọi sinh hoạt đời sống bên trong được nâng lên mọi mặt như: Kỹ nghệ, nhà xưởng, chợ, mậu dịch buôn bán, giao thông, trường học, thư viện, in ấn, báo chí, nhà trẻ, bệnh viện, bưu điện, điện, nước, rạp hát, các khu vui chơi giải trí và du lịch, viện dưỡng lão, tòa án, nhà thờ, chùa..., công viên... Chúng ta hiểu sâu xa hơn thì chương trình "ấp chiến lược" mục đích lâu dài là như vậy đó! Hình thức không khác gì nông thôn bên Âu châu, bên Mỹ. Nhưng tiếc rằng chúng ta đang trong thời chiến, hơn nữa dân trí chúng ta còn thấp và tâm lý sợ "xê dịch" nên không thể một lúc có thể tiếp nhận hết được ánh sáng văn minh. Bài học canh tân của Nguyễn Trường Tộ đã bị

đám quan lại bảo thủ của triều đình phong kiến Tự Đức từ chối, làm mất đi cơ hội phát triển... Đất nước, bị người Pháp xâm lăng đô hộ cả trăm năm!

Hàng nghìn mẫu cao su đến tuổi đã bắt đầu cạo mủ. Chính phủ mở lớp dạy cách cạo mủ. Phương tiện chuyên chở, thu mua, chế biến thì đã có chính phủ đảm nhận. Ai không trồng cao su, cũng có việc làm - đi cạo mủ, làm trong nhà máy. Người dân ai cũng hy vọng một ngày cây cao su cho mủ. Và kỳ vọng hơn - là làm giàu, vì mủ cây cao su ví như "vàng trắng"!



Nhưng sự việc ở đời người tính không qua trời tính. Cuộc "đảo chánh" ngày 1.11.1963... Chính phủ Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ. Ông Diệm chết, kéo theo chương trình ấp chiến lược chết theo! Lúc bấy giờ tôi chỉ là học sinh, chưa biết gì nhiều về chính trị... Cha và chú tôi buồn nhiều lắm! Không buồn sao được khi tất cả thời gian, công sức đều dồn vào cây cao su với biết bao hy vọng...!

Ông Diệm chết, người dân sống trong khu Dinh Điền đã có một số ít bỏ đi nơi khác hay về quê cũ... Một phần do chiến tranh lan rộng và do sự thiếu quan tâm của chính phủ sau này. Nhất là an ninh. Nơi họ ở lâu nay rất bằng an, nay đã trở thành vùng xôi đậu... Ban ngày Quốc Gia, ban đêm Việt Cộng. Tối đến những thanh niên nam nữ hoặc các viên chức không dám ngủ ở nhà. Họ tìm đến những nơi an toàn như - gần đồn Nghĩa Quân hay những nơi mà họ cảm thấy an toàn... Nhưng dù gì đi nữa người dân vẫn không rời Dinh Điền, bởi họ bỏ công sức, mồ hôi bao năm lập nên cơ nghiệp. Họ được chính phủ đệ nhất cộng hòa đã cho họ cái quyền làm chủ từng mẫu đất, mẫu ruộng... một cách hợp pháp mà mấy đời ông cha của họ có nằm mơ cũng không bao giờ thấy được.

Tôi lớn lên trong hoàn cảnh miền Nam đang chiến tranh, tôi cũng như bao người thanh niên gia nhập quân đội bảo vệ miền Nam. Tôi gặp những người lính mang sau lưng chữ "lao công đào binh" ! Với họ đáng bậc đàn anh, đàn chú tôi. Ngày ngày thui thủi - đào giao thông hào, vô đất đầy bao cát xây hầm công sự, làm hàng rào kẽm gai, xây lô cốt. Hay chuyển khí tài, khí cụ, đạn dược... Họ bị "tòa án quân sự" xử tội đào ngũ. Nhìn mặt mày họ xơ rơ xác rác trông thật là đau lòng! Tôi không tha thứ cho họ cái tội đào ngũ trong lúc đồng đội đang chiến đấu. Nhưng khi nhìn lại họ thiếu thốn đủ mọi thứ, kể cả cái ăn, cái mặc, tay không vũ khí để bảo vệ bản thân khi có chiến sự! Đau khổ hơn - Đó là sự khinh khi, miệt thị... của cấp chỉ huy và đồng đội...! Người "lao công đào binh" bị đày đọa không thua gì người tử khổ sai "Papillon"! Tôi không tha thứ họ chuyện đào ngũ. Nhưng trong lòng tôi nghĩ khác: Bao nhiêu năm qua họ chiến đấu can trường. Họ có nhiều công trạng...! Sao bây giờ lại bỏ ngũ? Nguyên nhân do đâu và ai là người chịu trách nhiệm? Cùng là người quốc gia nhưng chưa chắc ai cũng là: Anh hùng. Tại sao không tìm cho anh em "lao công đào binh" một lối thoát danh dự - danh dự cho cá nhân họ - cho quân đội? Cho cái tình - "huynh đệ chi binh"?

Trước ngày 30.4.1975 có rất nhiều vị tai to mặt bụi - ung dung "đào ngũ"! Sự đào ngũ của các vị ấy còn tồi tệ, nhục nhã hơn người "lao công đào binh"! Có tòa án nào xử tội "đào ngũ" của các vị không...? Tôi không có quyền buộc tội ai. Tôi có quyền nói ra sự thật! *"Sự thật sẽ cứu rỗi anh em" - Lời Chúa...!*

Chúng ta - người quốc gia đã từng kêu gọi phía bên kia ra "chiêu hồi"! Và đã có hơn hai trăm nghìn cán binh ra chiêu hồi và trọng dụng, nhưng lại không cho "đồng đội đào ngũ" cơ hội để chuộc lại lỗi lầm! Trong lúc đó cũng có hàng nghìn "lính kiếng - lính ma". Con ông, cháu cha - lo lót để được hoãn dịch hoặc ra nước ngoài du học. Thậm chí có người ra nước ngoài du học - còn quay lưng, tham gia biểu tình "chống chiến tranh, chống đế quốc Mỹ xâm lược"...! Sinh viên hoãn dịch vô đại học ở trong nước, đi biểu tình la ó đòi "độc lập, tự do...đốt cờ Mỹ, đốt xe Mỹ..." ôm tòi...! Trí thức: ăn no, ngủ êm, "lập thành phần thứ ba" phản đối "Mỹ Ngụy gian ác, bóc lột...". Sau này tôi vào trong trại tù "cải tạo" mặc áo tù - tôi lại nhớ đến hàng chữ: "lao công đào binh" trên lưng của "người lính phạm tội" mà ghen ngào...! Dù mọi chuyện đã trôi qua từ rất lâu và có thể mọi người cũng đã lãng quên. Nói ra thì đau lòng! Không nói ra cứ để trong bụng càng đau lòng thêm!

Khu "Dinh Điền" - vẫn tồn tại, người dân vẫn còn đang sinh sống. Người sống trong làng quê đó - Tôi cũng như mọi người di dân không bao giờ quên ơn tổng thống Ngô Đình Diệm. Tôi mong mỗi trở về thăm "Khu Dinh Điền" quê hương thứ hai sau nhiều năm bỏ đi biệt lập - thăm lại nơi không sinh ra nhưng đã có một thời



tuổi thơ êm đềm thơ mộng... gắn liền với núi rừng trùng điệp, với những dòng sông: Dakpsi ! Sông Poko! Nhớ về một thời với những trận đánh kinh hoàng...

Mong mỗi trở về tìm lại từng bước chân trên những nẻo đường quê năm nào. Nơi đó đã từng có nhà, có ruộng rẫy, có một gia đình cha mẹ, chị em đầm ấm, có thầy cô, có bạn bè... Chiến tranh, ly tán mỗi người mỗi nơi. Trong lòng lúc nào cũng lo lắng - tìm kiếm, hỏi thăm: ai còn, ai mất? Để mà thương, để mà nhớ, để gọi lại dư âm, kỷ niệm một thời... Bên bờ sông, bên cây cầu, bên triền đồi ngày nào.

Làm sao quên được tà áo dài nữ sinh trường Hoàng Đạo - phượng thắm trường nữ sinh Teresa - Hàng keo với những quán chè Sâm Bồ Lượng trên đường Lê Thánh Tôn... Dòng sông DakBla hiền hòa chở nặng phù sa tô bồi đám bắp, đám ruộng,

vườn cây trái xanh tươi hai bên bờ. Bây giờ có gặp lại người xưa! Ôi, đã là: "sương trắng miền quê ngoại"! Nhìn lại nhau cũng ngỡ ngàng...! Quay về vùng ký ức xa xưa - đôi khi, không giấu đi đâu được những giọt nước mắt vui buồn. Người nằm xuống vĩnh viễn có còn ai nhắc đến tên? Người còn sống bị tù đầy, một số bỏ thân trên núi rừng! May mắn còn sống sót trở về cũng vất vưởng rày đây mai đó hay lang bạt kỳ hồ nơi xứ lạ...! Cho dù thời chiến hay thời bình trong lòng cũng không có được một khoảng không gian, thời gian nào để cho tâm hồn thanh thản... Vẫn là cảnh chia ly! Vẫn là bóng chim tăm cá! Gặp lại nhau... cái già đã đè nặng lên thân thể hom hèm, vết cứa thời gian chằng chịt trên từng khuôn mặt! Một vài câu thơ - một lời hẹn thề - một nụ hôn - một cái nắm tay năm xưa vẫn còn in đậm trong lòng với biết bao hoài niệm! Phải chi...! phải chi đừng có chiến tranh! Phải chi đừng có tù đầy...! Và, còn nhiều cái - phải chi...!

Đối với tôi "từ một chín năm bầy"! Như một giấc mơ bình bồng... trôi đi, trôi đi mãi... Chưa bao giờ có dịp dừng lại cho một lần quay trở về! ./.

Trang Y Hạ
Tâm Xuân một ngày mùa Đông